

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Bản án số: 278/2017/HSST
Ngày 26-10-2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 290/2017/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2017/HSST-QĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Chung Thị Tuyết M, sinh năm 1991 tại Thành phố H ; thường trú: Số 78/26, đường số 6, khu phố 4, phường T, quận T, Thành phố H; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Đoàn Ngọc C, sinh năm 1972 và bà Chung Thị S, sinh năm 1966; bị cáo có 03 chị em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ sinh năm 1997; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 30/10/2013, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xử phạt 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại bản án số 286/2013/HSST, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/02/2014;

- Ngày 02/4/2015, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại bản án số 99/2015/HSST, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/01/2016.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/6/2017. Có mặt.

Người bị hại: Ông Phạm Thanh Q, sinh năm 1988; thường trú: Số 49/15, khu phố Tây B, phường Đ, thị xã Di, tỉnh B. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1977; thường trú: Số 284, đường B, phường 13, quận B, Thành phố H. Vắng mặt;

2. Ông Đoàn Nhật H, sinh năm 1994; thường trú: Số 188/16/11, Tô Ngọc V, khu phố 3, phường L, quận T, Thành phố H. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chung Thị Tuyết M là nhân viên của nhà nghỉ H. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 05/6/2017, Chung Thị Tuyết M gọi điện thoại cho Phạm Thanh Q đến nhà nghỉ H để M mượn xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 61D1-753.75 đi đến nhà bạn thì Q đồng ý. Sau khi mượn xe M đến tiệm game bắn cá chơi và thua hết tiền nên cầm xe cho ông Nguyễn Đức H với số tiền 6.000.000 đồng và sử dụng tiền này chơi game hết.

Ngày 08/6/2017, Chung Thị Tuyết M nhờ một đối tượng tên T (không rõ lai lịch) rồi nhờ T tìm người để M chuộc lại xe và đem cầm chỗ khác giá cao hơn. Khoảng 15 giờ ngày 08/6/2017, T đi cùng Đoàn Nhựt H và M đến gặp ông Nguyễn Đức H chuộc xe với số tiền 6.200.000 đồng, H tiếp tục đưa cho M số tiền 2.800.000 đồng và số tiền này M đã tiêu xài hết.

Đối với ông Nguyễn Đức H nhận cầm xe cho M với số tiền 6.000.000 đồng, ông H không biết tài sản trên do M phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với ông Đoàn Nhựt H đã đưa cho M số tiền 9.000.000 đồng, ông H không biết tài sản trên do M phạm tội mà có nên ông H yêu cầu M phải trả lại số tiền trên.

Theo kết luận định giá số 129/BB.ĐG ngày 27/6/2017 của Hội đồng định giá thị xã D kết luận: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là một xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 61D1-735.73 trị giá 10.000.000 đồng đã thu hồi trả lại cho người bị hại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá số 129 ngày 27/6/2016 của Hội đồng định giá thị xã D nêu trên.

Tại cáo trạng số 272/QĐ - KSĐT ngày 27 tháng 9 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Chung Thị Tuyết M về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm đ Khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 140; Điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình

tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Chung Thị Tuyết M không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 15 giờ ngày 05/6/2017, Chung Thị Tuyết M đã có hành vi lợi dụng sự tin tưởng để chiếm đoạt một xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 61D1-753.75 của người bị hại Phạm Thanh Q, tài sản bị chiếm đoạt trị giá 10.000.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 140 Bộ luật Hình sự:

“1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

.....

đ) Tái phạm nguy hiểm”.

Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo Chung Thị Tuyết M chiếm đoạt tài sản của người bị hại có giá trị 10.000.000 đồng, bị cáo đã có hai tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm đ khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo Chung Thị Tuyết M thực hiện là nghiêm trọng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tù tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Chung Thị Tuyết M không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người lao động làm thuê, có nhân thân xấu.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại, tại cơ quan điều tra người bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền 9.000.000 đồng của ông Đoàn Nhựt H đưa cho Chung Thị Tuyết M để M cầm xe, ông H yêu cầu trả lại là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Bị cáo Chung Thị Tuyết M phải nộp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Chung Thị Tuyết M phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 140; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Chung Thị Tuyết M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Chung Thị Tuyết M phải bồi thường cho ông Đoàn Nhựt H số tiền 9.000.000 (Chín triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đoàn Nhựt H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Chung Thị Tuyết M không thi hành thì hàng tháng bị cáo còn phải trả cho ông H tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Điểm a, c khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Chung Thị Tuyết M phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 (Bốn trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Dĩ An (02);
- Công an thị xã Dĩ An (02);
- Chi cục THA thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Bị cáo (02);
- Người tham gia tố tụng (03);
- Lưu: VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Nguyệt Ánh